

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ DỰ KIẾN
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN**

(Tính đến ngày 05/09/2021)

Khoa: Quản trị kinh doanh

Số ngày CTXH phải hoàn thành: 15

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
1	DH71801472	Trần Thái Bảo	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_KD01
2	DH71800902	Huỳnh Thị Hồng Diệu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD01
3	DH71801234	Dương Kỳ Duyên	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5	D18_KD01
4	DH71800470	Nguyễn Duy Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD01
5	DH71800289	Từ Minh Hằng	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_KD01
6	DH71800022	Phạm Nguyễn Minh Hiếu	15	-	-	-	-	-	15	-	0	D18_KD01
7	DH71801521	La Vĩ Huê	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D18_KD01
8	DH71801429	Phan Văn Khải	13	-	-	-	-	13	-	-	2	D18_KD01
9	DH71801506	Dương Bảo Khang	15	-	-	-	-	-	15	-	0	D18_KD01
10	DH71800160	Tiêu Hoàng Long	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D18_KD01
11	DH71801597	Nguyễn Thị Lượm	50.5	-	-	-	-	50.5	-	-	0	D18_KD01
12	DH71802160	Nguyễn Thị Trà My	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD01
13	DH71800307	Trần Hồng Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD01
14	DH71800730	Văn Thị Thanh Ngân	20.5	-	-	-	-	20.5	-	-	0	D18_KD01
15	DH71709025	Đào Minh Ngọc	6	-	-	-	-	-	6	-	9	D18_KD01
16	DH71802723	Võ Thị Huỳnh Nhi	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D18_KD01
17	DH71801453	Lê Quỳnh Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD01
18	DH71801340	Phan Đình Phú	20	-	-	-	-	20	-	-	0	D18_KD01
19	DH71800225	Lam Hoàng Yên Phượng	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5	D18_KD01
20	DH71800345	Bùi Vạn Quang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD01
21	DH71801393	Nguyễn Chí Tâm	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_KD01
22	DH71801394	Trần Minh Tân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD01
23	DH71801252	Mai Phương Thảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD01
24	DH71801730	Nguyễn Ngọc Thắng	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D18_KD01
25	DH71801279	Võ Minh Thiện	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD01
26	DH71800445	Phạm Hoàng Kim Thoa	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_KD01
27	DH71801574	Đào Lê Mỹ Thuận	8	-	-	-	-	8	-	-	7	D18_KD01
28	DH71801703	Nguyễn Ngọc Thuật	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_KD01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
29	DH71800208	Phùng Thị Thu Thủy	15	-	-	-	-	-	15	-	0	D18_KD01
30	DH71801700	Nguyễn Thị Minh Thư	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D18_KD01
31	DH71800437	Nguyễn Đạt Thủy Tiên	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D18_KD01
32	DH71801277	Trần Kim Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD01
33	DH71800065	Trần Hoài Tiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD01
34	DH71800412	Trần Ngọc Thùy Trang	11	-	-	-	-	11	-	-	4	D18_KD01
35	DH71800580	Diệp Lê Thu Trân	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_KD01
36	DH71800081	Võ Ngọc Trân	10.5	-	-	-	-	10.5	-	-	4.5	D18_KD01
37	DH71801687	Lê Thị Cẩm Tú	23.5	-	-	-	-	23.5	-	-	0	D18_KD01
38	DH71800301	Trần Anh Tuấn	15	-	-	-	-	-	15	-	0	D18_KD01
39	DH71800901	Lê Thị Thanh Tuyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD01
40	DH71800273	Võ Triết Tường	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D18_KD01
41	DH71801755	Ngô Ngọc Thảo Vy	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_KD01
42	DH71800443	Nguyễn Thị Thúy Vy	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_KD01
1	DH71802517	Nguyễn Hoàng Ân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD02
2	DH71801449	Nguyễn Trần Gia Bảo	23.5	-	-	-	-	8.5	15	-	0	D18_KD02
3	DH71800509	Nguyễn Lương Chí Bình	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_KD02
4	DH71800364	Trần Thanh Bình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD02
5	DH71800721	Nguyễn Thị Vân Cẩm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD02
6	DH71803104	Đặng Thị Mỹ Chinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD02
7	DH71803459	Phan Thanh Cường	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D18_KD02
8	DH71803270	Phạm Thanh Duy	16	-	-	-	-	16	-	-	0	D18_KD02
9	DH71803067	Trần Tứ Đăng	67	-	-	-	-	-	67	-	0	D18_KD02
10	DH71803717	Nguyễn Thị Bích Hằng	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0	D18_KD02
11	DH71800329	Phạm Thị Thanh Huyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD02
12	DH71804028	Nguyễn Thị Thùy Loan	114	41.5	-	-	-	72.5	-	-	0	D18_KD02
13	DH71802891	Lý Khánh Long	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D18_KD02
14	DH71803561	Nguyễn Văn Luân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD02
15	DH71803179	Mai Duy Mạnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD02
16	DH71801389	Lê Minh Mẫn	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D18_KD02
17	DH71801547	Nguyễn Thị Thanh Ngân	16	-	-	-	-	16	-	-	0	D18_KD02
18	DH71801658	Trần Thị Bích Ngọc	11	-	-	-	-	11	-	-	4	D18_KD02
19	DH71803460	Cao Trọng Nhân	16	-	-	-	-	16	-	-	0	D18_KD02
20	DH71803547	Thương Văn Phát	16	-	-	-	-	16	-	-	0	D18_KD02

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
21	DH71804093	Nông Vĩnh Phong	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_KD02
22	DH71803517	Tạ Thị Bích Phượng	13	-	-	-	-	13	-	-	2	D18_KD02
23	DH71803613	Mao Thục Quân	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0	D18_KD02
24	DH71800989	Cao Thái Quý	8	-	-	-	-	8	-	-	7	D18_KD02
25	DH71803560	Phạm Mạnh Phương Quyên	16	-	-	-	-	16	-	-	0	D18_KD02
26	DH71800570	Trương Tiến Sang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD02
27	DH71803244	Nguyễn Minh Sơn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD02
28	DH71800520	Diệp Suong Suong	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD02
29	DH71800976	Lư Tuấn Tài	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD02
30	DH71800639	Nguyễn Duy Thái	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD02
31	DH71803335	Đặng Thị Minh Thư	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_KD02
32	DH71801678	Bùi Thị Thùy Trang	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D18_KD02
33	DH71803254	Phạm Thị Mỹ Trang	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_KD02
34	DH71802717	Vũ Ngọc Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD02
35	DH71803106	Lê Diệp Thanh Tùng	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5	D18_KD02
36	DH71806464	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_KD02
37	DH71800187	Lương Gia Vinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD02
38	DH71803462	Lê Hồng Vũ	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_KD02
39	DH71804119	Hà Thị ý	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D18_KD02
1	DH71804240	Nguyễn Thị An	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_KD03
2	DH71806389	Lê Minh Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
3	DH71804268	Lê Như Anh	23.5	23	-	-	-	0.5	-	-	0	D18_KD03
4	DH71804338	Phan Quốc Bảo	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D18_KD03
5	DH71803229	Lý Quốc Bình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
6	DH71802949	Lê Chí Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
7	DH71804383	Nguyễn Thị Kim Danh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
8	DH71804389	Lê Giai Dinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
9	DH71804455	Trần Quốc Dương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_KD03
10	DH71804484	Nguyễn Hiền Đức	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_KD03
11	DH71804558	Nguyễn Việt Hà	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
12	DH71804673	Nguyễn Mỹ Hào	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
13	DH71804578	Nguyễn Lê Bảo Hân	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_KD03
14	DH71804583	Phạm Ngọc Hân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
15	DH71804095	Phạm Thị Hiền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
16	DH71804694	Lê Đức Hoàng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
17	DH71804909	Phan Chấn Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
18	DH71806382	Mai Đức Lộc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
19	DH71804100	Đinh Thị Khánh Ngân	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D18_KD03
20	DH71805139	Đỗ Võ Thanh Ngân	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5	D18_KD03
21	DH71805147	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
22	DH71803013	Trịnh Kim Ngân	19	19	-	-	-	-	-	-	0	D18_KD03
23	DH71805214	Đào ái Nhân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
24	DH71805271	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_KD03
25	DH71801514	Nguyễn Thị Kim Nhung	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_KD03
26	DH71804126	Nguyễn Lê Oanh	13.5	-	-	-	-	13.5	-	-	1.5	D18_KD03
27	DH71805297	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
28	DH71804104	Võ Hồng Mỹ Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
29	DH71805408	Nguyễn Ngọc Thu Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
30	DH71805445	Đặng Hoàng Quốc	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_KD03
31	DH71805542	Lê Mai Hoàng Thanh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_KD03
32	DH71805554	Lê Phú Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
33	DH71805602	Đặng Thị Thắm	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_KD03
34	DH71805571	Lê Minh Thân	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D18_KD03
35	DH71805711	Võ Trần Anh Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
36	DH71805726	Đinh Thị Thủy Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
37	DH71803703	Trần Thị Cẩm Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
38	DH71805812	Trần Quỳnh Trang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
39	DH71804178	Võ Thị Thu Trang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
40	DH71805817	Diệp Lý Quỳnh Trâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
41	DH71805864	Phan Thị Nguyệt Trinh	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_KD03
42	DH71804218	Trần Thị Tú Trinh	9.5	-	-	-	-	9.5	-	-	5.5	D18_KD03
43	DH71804223	Nguyễn Thị Mỹ Trong	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_KD03
44	DH71805882	Nguyễn Thị Kim Trúc	7.5	3	-	-	1	3.5	-	-	7.5	D18_KD03
45	DH71801418	Phạm Thanh Trúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
46	DH71805910	Nguyễn Minh Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
47	DH71700694	Nguyễn Thị Cẩm Tú	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_KD03
48	DH71804127	Vương Hoàng Cẩm Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
49	DH71805970	Nguyễn Diệu Tuyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
50	DH71803646	Nguyễn Thị Lê Uyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
51	DH71806129	Võ Bạch Yến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_KD03
1	DH71800328	Ngô Lê Hoàng Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
2	DH71800213	Lưu Gia Ân	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D18_MAR01
3	DH71801745	Trần Minh Công	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
4	DH71801202	Lê Thị Thanh Danh	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D18_MAR01
5	DH71801015	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_MAR01
6	DH71800558	Trần Phong Độ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
7	DH71800442	Lê Chân Hào	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
8	DH71802598	Ngô Trung Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
9	DH71800046	Trương Thị Bảo Hòa	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_MAR01
10	DH71500614	Nguyễn Vũ Hoàng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
11	DH71800263	Võ Thị Kim Hồng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
12	DH71800042	Võ Thanh Huy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR01
13	DH71802872	Nguyễn Tuấn Khải	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
14	DH71800172	Lê Đoàn Dĩ Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
15	DH71800458	Lâm Hoàng Mỹ Kim	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D18_MAR01
16	DH71800583	Nguyễn Huỳnh Thanh Lâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
17	DH71800845	Trần Thiện Ngọc Mai	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D18_MAR01
18	DH71800811	Trần Nguyễn Hoài Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
19	DH71802586	Đỗ Thị Kim Ngân	12.5	8	-	-	-	4.5	-	-	2.5	D18_MAR01
20	DH71802361	Lê Nguyễn Kim Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
21	DH71800300	Nguyễn Tiến Nguyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR01
22	DH71802017	Chế Thị Tuyết Nhung	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR01
23	DH71802539	Phạm Thị Kim Như	30	26	-	-	-	4	-	-	0	D18_MAR01
24	DH71802947	Trần Thị Quỳnh Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
25	DH71801359	Đặng Duy Phong	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR01
26	DH71800113	Nguyễn Ngọc Tuyết Sương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
27	DH71800772	Lại Thị Phương Thảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
28	DH71802146	Nguyễn Vũ Đức Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
29	DH71800154	Huỳnh Võ Anh Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
30	DH71801492	Hồ Thị Thủy Tiên	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_MAR01
31	DH71802733	Trần Nguyệt Trinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
32	DH71800716	Vương Hà Minh Trung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
33	DH71801265	Nguyễn Thanh Tùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
34	DH71800101	Nguyễn Trần Thanh Tùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
35	DH71704485	Huỳnh Cát Tường	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_MAR01
36	DH71800202	Ngô Mỹ Vân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
37	DH71800573	Trương Tố Thùy Vân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
38	DH71801376	Quách Tấn Viễn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR01
39	DH71800044	Huỳnh Kim Yển	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_MAR01
1	DH71800122	Nguyễn Tiến Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
2	DH71800421	Lâm Nguyệt Bửu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
3	DH71800564	Bùi Trần Thành Công	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
4	DH71803155	Đỗ Chí Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
5	DH71803114	Nguyễn Thị Bích Duyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
6	DH71803709	Phạm Minh Đan	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
7	DH71800313	Vô Văn Thành Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
8	DH71800738	Phạm Thị Thúy Hằng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
9	DH71802682	Trần Thị Thu Hoài	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
10	DH71803436	Huỳnh Kim Hoàng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
11	DH71602888	Hồ Học	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
12	DH71802432	Nguyễn Quốc Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
13	DH71800740	Đỗ Thị Thanh Lam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
14	DH71802649	Lê Thị Thùy Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
15	DH71800680	Lưu Mỹ Linh	15	-	1	-	-	14	-	-	0	D18_MAR02
16	DH71800545	Nguyễn Ngọc Minh Mẫn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
17	DH71800742	Lưu Ngọc Mỹ	13	-	2	-	-	11	-	-	2	D18_MAR02
18	DH71800252	Nguyễn Thị Thanh Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
19	DH71803128	Phạm Thị Thanh Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
20	DH71800339	Lâm Thục Nghi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
21	DH71801298	Lê Minh Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
22	DH71800934	Lê Thanh Nhã	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
23	DH71800468	Nguyễn Quỳnh Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
24	DH71800865	Võ Hoàn Nhung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
25	DH71801640	Lê Thị Kim Oanh	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D18_MAR02
26	DH71800072	Huỳnh Lương Mỹ Phụng	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_MAR02
27	DH71800069	Nguyễn Việt Phương	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_MAR02

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
28	DH71802854	Võ Thị Thúy Quỳnh	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D18_MAR02
29	DH71802522	Dương Thanh Thảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
30	DH71803508	Nguyễn Thị Phương Thảo	11.5	-	-	-	-	11.5	-	-	3.5	D18_MAR02
31	DH71803464	Nguyễn Thị Thanh Thảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
32	DH71800867	Nguyễn Xuân Thảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
33	DH71800040	Lê Long Thăng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
34	DH71803424	Nguyễn Đức Thăng	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_MAR02
35	DH71802018	Hồ Thị Thúy Thi	16.5	-	-	-	-	16.5	-	-	0	D18_MAR02
36	DH71800370	Phạm Nguyễn Đan Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
37	DH71800415	Trần Thị Diễm Thuy	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_MAR02
38	DH71801399	Nguyễn Dương Thanh Thùy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
39	DH71700134	Nguyễn Thị Minh Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
40	DH71801992	Nguyễn Thị Minh Thư	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_MAR02
41	DH71802846	Phạm Ngọc Trâm	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_MAR02
42	DH71700769	Nguyễn Hoàng Tuyết Trinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
43	DH71800853	Phạm Nguyễn Lâm Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
44	DH71802817	Phan Quý Tùng	11	-	-	-	-	11	-	-	4	D18_MAR02
45	DH71801323	Huỳnh Nhật Tường	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_MAR02
46	DH71802306	Nguyễn Đình Văn	18	-	-	-	-	18	-	-	0	D18_MAR02
47	DH71801819	Trần Thảo Vân	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_MAR02
48	DH71800601	Lê Vũ Xuân Vy	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_MAR02
49	DH71801641	Trần Thị Thùy Vy	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D18_MAR02
50	DH71801245	Trịnh Ngọc Yến Vy	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0	D18_MAR02
51	DH71801118	Nguyễn Xuân Yến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR02
1	DH71801290	Tạ Trần Thị Ngọc Dung	59	-	-	-	-	59	-	-	0	D18_MAR03
2	DH71801808	Nguyễn Kim Duyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR03
3	DH71803420	Huỳnh Quốc Đạt	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_MAR03
4	DH71801384	Nguyễn Tấn Giàu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR03
5	DH71800630	Nguyễn Khắc Hiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR03
6	DH71802551	Ngô Bình Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR03
7	DH71802405	Nguyễn Thị Thảo Hương	23.5	23.5	-	-	-	-	-	-	0	D18_MAR03
8	DH71802742	Ngũ Như Khiết	16	-	-	-	-	16	-	-	0	D18_MAR03
9	DH71802550	Đoàn Đăng Khoa	24	-	-	-	-	24	-	-	0	D18_MAR03
10	DH71804893	Nguyễn Thị Hồng Khuyên	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_MAR03

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
11	DH71802909	Nguyễn Thị Hồng Lan	1.5	-	-	-	1	0.5	-	-	13.5	D18_MAR03
12	DH71802423	Đặng Trí Thanh Liêm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR03
13	DH71802824	Lưu Huệ Linh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_MAR03
14	DH71801761	Võ Hoàng Khánh Linh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR03
15	DH71801436	Nguyễn Thị Xuân Mai	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_MAR03
16	DH71802771	Tô Nhi Vi Na	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_MAR03
17	DH71803476	Đặng Ngọc Trinh Nguyễn	24.5	24.5	-	-	-	-	-	-	0	D18_MAR03
18	DH71800882	Hồ Văn Nguyễn	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_MAR03
19	DH71801010	Huỳnh Thị Trúc Như	20	-	-	-	-	20	-	-	0	D18_MAR03
20	DH71800947	Phan Lý Hồng Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR03
21	DH71802253	Lý Xuân Phụng	13.5	-	-	-	-	13.5	-	-	1.5	D18_MAR03
22	DH71803047	Trần Minh Hoàng Phụng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR03
23	DH71803555	Nguyễn Thanh Quan	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR03
24	DH71801715	Huỳnh Thị Nguyệt Quế	14	-	-	-	-	14	-	-	1	D18_MAR03
25	DH71802435	Nguyễn Xuân Quỳnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR03
26	DH71803637	Lê Thị Hồng Thắm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR03
27	DH71801230	Phạm Thị Thanh Thúy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR03
28	DH71803483	Phạm Thị Thanh Thúy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR03
29	DH71801365	Phan Thị Thanh Thúy	42.5	4	1.5	-	-	1	36	-	0	D18_MAR03
30	DH71805697	Dương Thị Anh Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR03
31	DH71801084	Dương Trần Anh Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR03
32	DH71801007	Tô Thiện Tín	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR03
33	DH71801050	Nguyễn Thị Ngọc Trà	28	-	-	-	-	28	-	-	0	D18_MAR03
34	DH71803402	Trần Minh Uyên Trang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR03
35	DH71801214	Trương Thị Thùy Trang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR03
36	DH71801327	Lê Bảo Trâm	29	-	-	-	-	29	-	-	0	D18_MAR03
37	DH71801773	Lê Thảo Vy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR03
38	DH71802480	Lê Thị Phương Yên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR03
1	DH71804296	Lê Thị ánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR04
2	DH71804153	Phan Thị Diễm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR04
3	DH71803844	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_MAR04
4	DH71804444	Vũ Thị Hồng Duyên	48.5	22.5	-	-	1	25	-	-	0	D18_MAR04
5	DH71804466	Nguyễn Kim Đào	11.5	-	-	-	-	11.5	-	-	3.5	D18_MAR04
6	DH71702015	Nguyễn Tấn Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR04

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
7	DH71804669	Trần Minh Hạnh	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D18_MAR04
8	DH71804573	Lê Khả Hân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR04
9	DH71803699	Lê Ngọc Hân	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D18_MAR04
10	DH71803900	Lê Công Hậu	8	-	-	-	-	8	-	-	7	D18_MAR04
11	DH71804190	Thi Vinh Huê	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_MAR04
12	DH71804030	Lâm Tâm Hùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR04
13	DH71800099	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_MAR04
14	DH71804124	Nguyễn Thị Liên Hương	9	-	-	-	-	9	-	-	6	D18_MAR04
15	DH71803836	Tổng Duy Lai	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR04
16	DH71804930	Phan Thị Nhật Lan	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_MAR04
17	DH71801047	Nguyễn Bích Liên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR04
18	DH71804091	Nguyễn Yến Linh	13.5	-	-	-	-	13.5	-	-	1.5	D18_MAR04
19	DH71804995	Phạm Thị Mỹ Linh	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D18_MAR04
20	DH71806520	Phan Thành Luân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR04
21	DH71804012	Đỗ Thị Kim Ngân	21	-	-	-	-	21	-	-	0	D18_MAR04
22	DH71804112	Lê Nghiêm Hồng Ngân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR04
23	DH71804109	Nguyễn Thị Thanh Ngân	9	-	-	-	-	9	-	-	6	D18_MAR04
24	DH71803855	Quảng Trọng Nguyễn	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_MAR04
25	DH71805210	Lê Minh Nhân	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_MAR04
26	DH71804001	Trần Long Hiếu Nhân	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_MAR04
27	DH71805245	Nguyễn Thảo Nhi	14	-	-	-	-	14	-	-	1	D18_MAR04
28	DH71803701	Nguyễn Thị Kim Nhi	69.5	-	-	-	-	69.5	-	-	0	D18_MAR04
29	DH71804157	Nguyễn Thị Huỳnh Như	16.5	16	-	-	-	0.5	-	-	0	D18_MAR04
30	DH71806524	Nguyễn Thị Mỹ Như	22	-	14	-	-	8	-	-	0	D18_MAR04
31	DH71805386	Lê Thị Kim Phương	12.5	-	-	-	1	11.5	-	-	2.5	D18_MAR04
32	DH71800649	Trịnh Tấn Sang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR04
33	DH71805534	Nguyễn Hoàng Quốc Thái	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR04
34	DH71805603	Nguyễn Thị Hồng Thắm	16.5	16	-	-	-	0.5	-	-	0	D18_MAR04
35	DH71804117	Nguyễn Văn Thiện	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR04
36	DH71805693	Nguyễn Thị Thúy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR04
37	DH71803700	Đoàn Ngọc Thương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR04
38	DH71803899	Trần Anh Tín	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR04
39	DH71804094	Trần Nhật Toàn	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_MAR04
40	DH71806480	Trương Huỳnh Anh Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR04

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
41	DH71806492	Trần Thị Thu Uyên	11	-	-	-	-	11	-	-	4	D18_MAR04
42	DH71806033	Lê Thành Vinh	13.5	-	-	-	-	13.5	-	-	1.5	D18_MAR04
43	DH71804130	Phan Ngọc Yến Vy	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_MAR04
44	DH71806127	Phạm Thị Hải Yến	30	-	-	-	-	30	-	-	0	D18_MAR04
1	DH71804351	Đàm Phúc Minh Châu	16.5	-	-	-	-	16.5	-	-	0	D18_MAR05
2	DH71804353	Lê Hoàng Bảo Châu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
3	DH71806479	Nguyễn Thị Băng Châu	19.5	16	-	-	-	3.5	-	-	0	D18_MAR05
4	DH71804355	Trần Lê Bảo Châu	31	30	-	-	1	-	-	-	0	D18_MAR05
5	DH71803763	Trần Chí Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
6	DH71804417	Huỳnh Thanh Duy	18.5	16.5	-	-	-	2	-	-	0	D18_MAR05
7	DH71804468	Nguyễn Thị Hồng Đào	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
8	DH71804562	Nguyễn Văn Hanh	57.5	41.5	-	-	1	15	-	-	0	D18_MAR05
9	DH71806461	Trần Thị Thu Hiền	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D18_MAR05
10	DH71800371	Ngô Khải Hoa	30	-	-	-	-	-	30	-	0	D18_MAR05
11	DH71805065	Nguyễn Thị Ngọc Mai	76.5	58	-	-	1	17.5	-	-	0	D18_MAR05
12	DH71805089	Đoàn Thế Mẫn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
13	DH71805069	Bùi Thị Tuyết Mi	3.5	-	-	-	1	2.5	-	-	11.5	D18_MAR05
14	DH71806470	Tất Ngọc My	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
15	DH71806387	Đoàn Hoàng Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
16	DH71805140	Hoàng Phương Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
17	DH71805144	Lê Phạm Kim Ngân	18.5	-	-	-	-	18.5	-	-	0	D18_MAR05
18	DH71805150	Nguyễn Thị Thanh Ngân	10.5	-	-	-	-	10.5	-	-	4.5	D18_MAR05
19	DH71805199	Trương Trấn Nguyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
20	DH71805257	Bùi Lưu Tiến Nhật	34.5	30	-	-	-	4.5	-	-	0	D18_MAR05
21	DH71806402	Lê Minh Nhật	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
22	DH71805233	Hồng Bảo Nhi	18	15	-	-	-	3	-	-	0	D18_MAR05
23	DH71805328	Từ Bội Phần	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D18_MAR05
24	DH71805344	Đình Viết Phú	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR05
25	DH71805376	Võ Đức Huy Phúc	32.5	30	-	-	-	2.5	-	-	0	D18_MAR05
26	DH71805379	Vũ Đăng Phúc	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D18_MAR05
27	DH71805384	Đào Thị Kim Phượng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
28	DH71805462	Lưu Ngọc Tú Quyên	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_MAR05
29	DH71806412	Phạm Ngọc Tài	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR05
30	DH71805544	Nguyễn Châu Thanh Thanh	30	30	-	-	-	-	-	-	0	D18_MAR05

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
31	DH71802633	Nguyễn Thùy Thanh Thanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
32	DH71805666	Nguyễn Thị Ngọc Thu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
33	DH71806399	Nguyễn Đức Thuận	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
34	DH71805696	Vũ Trần Ngọc Thúy	52.5	41	-	-	-	11.5	-	-	0	D18_MAR05
35	DH71805713	Hà Thị Thương	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D18_MAR05
36	DH71806409	Nguyễn Hoàng Cẩm Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
37	DH71801121	Nguyễn Triều Tiên	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D18_MAR05
38	DH71806391	Nguyễn Tấn Toàn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_MAR05
39	DH71805801	Lê Thị Thùy Trang	40.5	-	-	-	-	11.5	29	-	0	D18_MAR05
40	DH71805814	Trần Thị Yên Trang	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_MAR05
41	DH71805827	Phan Thế Ngọc Trâm	30	30	-	-	-	-	-	-	0	D18_MAR05
42	DH71805868	Trần Thị út Trinh	16	-	-	-	1	15	-	-	0	D18_MAR05
43	DH71803897	Nguyễn Long Phi Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
44	DH71805917	Nguyễn Tấn Đan Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
45	DH71805987	Hồ Nguyễn Phương Uyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_MAR05
46	DH71805994	Phạm Hoàng Uyên	9.5	-	-	-	-	9.5	-	-	5.5	D18_MAR05
47	DH71806420	Nguyễn Thụy Phương Vy	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_MAR05
1	DH71800276	Nguyễn Hoài An	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D18_TC01
2	DH71800250	Trương Văn An	16.5	-	-	-	-	16.5	-	-	0	D18_TC01
3	DH71800006	Huỳnh Quốc Bảo	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_TC01
4	DH71800821	Trần Đình Duy	19.5	-	-	-	-	-	19.5	-	0	D18_TC01
5	DH71800077	Trần Nguyễn Hồng Gấm	12.5	-	-	-	-	12.5	-	-	2.5	D18_TC01
6	DH71802128	Huỳnh Hữu Hòa	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D18_TC01
7	DH71800818	Nguyễn Nguyên Hào	10.5	-	-	-	-	1.5	9	-	4.5	D18_TC01
8	DH71800121	Nguyễn Thị Minh Hoài	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TC01
9	DH71800137	Lương Tịnh Huê	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_TC01
10	DH71800645	Trương Huy Khánh	13	-	-	-	-	13	-	-	2	D18_TC01
11	DH71800899	Chung Kiên	16.5	-	-	-	-	16.5	-	-	0	D18_TC01
12	DH71801602	Đặng Diệu Linh	26	-	-	-	-	8	18	-	0	D18_TC01
13	DH71800291	Huỳnh Xuân Mai	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_TC01
14	DH71800047	Vương Thúy Mẫn	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5	D18_TC01
15	DH71800274	Nguyễn Trà My	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D18_TC01
16	DH71800180	Phạm Thoại Mỹ	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D18_TC01
17	DH71802493	Đỗ Thị Quỳnh Nga	10.5	-	-	-	-	10.5	-	-	4.5	D18_TC01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
18	DH71801463	Trần Thị Minh Ngân	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_TC01
19	DH71801718	Nguyễn Hồng Ngọc	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5	D18_TC01
20	DH71801089	Nguyễn Phạm Quỳnh Như	18.5	-	-	-	1	17.5	-	-	0	D18_TC01
21	DH71703997	Vòng Lý Nguyên Phương	0	0	0	0	0	0	0	0	15	D18_TC01
22	DH71800391	Dương Bảo Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC01
23	DH71801073	Vũ Thị Yên Thảo	12.5	-	-	-	-	1.5	11	-	2.5	D18_TC01
24	DH71800129	Nguyễn Huỳnh Quốc Thắng	16	-	-	-	-	16	-	-	0	D18_TC01
25	DH71801076	Lê Kim Thuận	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0	D18_TC01
26	DH71802054	Lâm Thị Cẩm Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC01
27	DH71800691	Nguyễn Thị Kiều Tiên	12	-	-	-	-	1	11	-	3	D18_TC01
28	DH71801605	Trần Lê Cẩm Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC01
29	DH71800206	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TC01
30	DH71801081	Nguyễn Hồng Tuyết Trân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC01
31	DH71801275	Nguyễn Thị Trinh	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_TC01
32	DH71801452	Nguyễn Thành Trung	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TC01
33	DH71801173	Châu Thị Quang Tuyền	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0	D18_TC01
34	DH71800212	Huỳnh Kim Yên	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_TC01
1	DH71800996	Trương Thị Lan Anh	9	-	-	-	-	9	-	-	6	D18_TC02
2	DH71801282	Nguyễn Hoàng Danh	15	-	-	-	-	11	4	-	0	D18_TC02
3	DH71804217	Lê Thị Hồng Đào	14	-	-	-	-	14	-	-	1	D18_TC02
4	DH71802887	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D18_TC02
5	DH71803041	Nguyễn Lê Thế Hiền	25	24	-	-	-	1	-	-	0	D18_TC02
6	DH71802579	Cao Quang Huy	23	-	-	-	1	1	21	-	0	D18_TC02
7	DH71801962	Nguyễn Trương Thúy Huyền	15.5	-	-	-	-	15.5	-	-	0	D18_TC02
8	DH71802347	Nguyễn Hoàng Kha	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC02
9	DH71801235	La Thị Thanh Kiều	36.5	30	-	-	-	6.5	-	-	0	D18_TC02
10	DH71803556	Thân Thị Ngọc Lan	46.5	39	-	-	-	7.5	-	-	0	D18_TC02
11	DH71800997	Nguyễn Thị Yên Linh	16.5	-	-	-	-	12.5	4	-	0	D18_TC02
12	DH71800448	Hồ Trần Mỹ Lộc	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_TC02
13	DH71806405	Thượng Thị Thiên Lý	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TC02
14	DH71800292	Nguyễn Hồng Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC02
15	DH71801542	Phạm Thị Bích Ngọc	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_TC02
16	DH71800636	Huỳnh Phối Nhi	16	-	-	-	-	12	4	-	0	D18_TC02
17	DH71802494	Lâm Băng Nhi	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D18_TC02

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
18	DH71803663	Nguyễn Thị Thúy Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC02
19	DH71800030	Nguyễn Thị Huyền Nhiên	9.5	-	-	-	-	9.5	-	-	5.5	D18_TC02
20	DH71801539	Huỳnh Nguyễn Quỳnh Như	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_TC02
21	DH71801683	Trương Thị Trúc Phương	85.5	15.5	-	-	-	70	-	-	0	D18_TC02
22	DH71801443	Nguyễn Bạch Huy Quý	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D18_TC02
23	DH71803224	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D18_TC02
24	DH71801311	Thái Minh Tân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC02
25	DH71803333	Dương Nữ Thánh Thiên	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TC02
26	DH71801172	Quách Thị Thủy	15.5	10	-	-	-	5.5	-	-	0	D18_TC02
27	DH71805716	Nguyễn Thị Hoài Thương	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TC02
28	DH71801392	Nguyễn Trần Linh Thương	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D18_TC02
29	DH71803020	Đoàn Thị Cẩm Tiên	10	-	2	-	-	8	-	-	5	D18_TC02
30	DH71802468	Trần Thị Cẩm Tiên	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D18_TC02
31	DH71803593	Vũ Tam Tiến	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TC02
32	DH71801573	Võ Thị Thanh Tính	16.5	-	-	-	-	16.5	-	-	0	D18_TC02
33	DH71803232	Lâm Anh Toàn	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D18_TC02
34	DH71801504	Nguyễn Đức Toàn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TC02
35	DH71804154	Huỳnh Thị Thùy Trang	16.5	16	-	-	-	0.5	-	-	0	D18_TC02
36	DH71800843	Phan Thị Thùy Trang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC02
37	DH71803683	Võ Thị Thu Trang	22	-	-	-	1	21	-	-	0	D18_TC02
38	DH71801891	Trần Thị Thanh Trúc	16.5	-	-	-	-	16.5	-	-	0	D18_TC02
39	DH71801609	Huỳnh Thị Bích Tuyền	18	-	-	-	1	17	-	-	0	D18_TC02
40	DH71800018	Bùi Thị Thanh Vân	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_TC02
41	DH71800162	Nguyễn Xuân Phi Vân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC02
42	DH71801947	Nguyễn Thị Tường Vi	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D18_TC02
43	DH71803754	Đặng Hoàng Vinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC02
44	DH71803634	Dương Hoàng Thanh Vy	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TC02
45	DH71802942	Nguyễn Ngọc Xuân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TC02
1	DH71804299	Nguyễn Thị Ngọc ánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
2	DH71804312	Nguyễn Ngọc Bích	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_TC03
3	DH71803631	Phú Thị Thúy Duy	9.5	-	-	-	-	9.5	-	-	5.5	D18_TC03
4	DH71804470	Dương Nguyễn Khánh Đăng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
5	DH71804712	Nguyễn Quang Hậu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
6	DH71803928	Thân Trọng Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
7	DH71803910	Nguyễn Minh Huệ	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D18_TC03
8	DH71804836	Nhâm Kiêm Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
9	DH71804965	Dương Tô Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
10	DH71805043	Trần Hoàng Long	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
11	DH71804139	Nguyễn Bình Minh	3	-	-	-	1	2	-	-	12	D18_TC03
12	DH71806449	Nguyễn Huyền My	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_TC03
13	DH71805110	Trần Thị Kim My	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
14	DH71805148	Nguyễn Thị Kim Ngân	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D18_TC03
15	DH71805230	Đào Phùng Xuân Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
16	DH71805239	Lê Thùy Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
17	DH71805270	Nguyễn Hồng Nhung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
18	DH71805282	Nguyễn Tâm Như	13.5	13.5	-	-	-	-	-	-	1.5	D18_TC03
19	DH71805296	Nguyễn Nhị Kiều Oanh	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D18_TC03
20	DH71805299	Nguyễn Thị Yến Oanh	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D18_TC03
21	DH71805449	Nguyễn Thị Như Quỳnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
22	DH71805637	Nguyễn Thị Thanh Thảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
23	DH71805647	Trần Thị Ngọc Thảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
24	DH71805579	Lê Thị Đoàn Thi	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D18_TC03
25	DH71805586	Trần Trịnh Ngân Thi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
26	DH71806467	Vương Quang Thịnh	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D18_TC03
27	DH71805703	Ngô Thụy Anh Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
28	DH71805798	Hoàng Hà Huyền Trang	17	-	-	-	-	1	16	-	0	D18_TC03
29	DH71805800	Lê Thị Ngọc Trang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
30	DH71805808	Phan Thị Kim Trang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TC03
31	DH71803617	Thái Ngọc Minh Trâm	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D18_TC03
32	DH71805860	Nguyễn Hoàng Phương Trinh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D18_TC03
33	DH71805863	Nguyễn Thị Trinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
34	DH71805881	Ngô Thanh Trúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
35	DH71805902	Đặng Nhật Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
36	DH71805932	Ngô Thị Cẩm Tú	16	-	-	-	-	16	-	-	0	D18_TC03
37	DH71805967	Lê Thị Thanh Tuyền	10.5	-	-	-	-	10.5	-	-	4.5	D18_TC03
38	DH71805980	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	27	25.5	-	-	-	1.5	-	-	0	D18_TC03
39	DH71806012	Nguyễn Khánh Vân	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D18_TC03
40	DH71803831	Võ Minh Vi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D18_TC03

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
41	DH71804142	Trần Thị Như ý	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D18_TC03
1	DH71900088	Võ Phi Ngọc Châu	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5	D19_KD01
2	DH71900098	Nguyễn Văn Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
3	DH71905613	Nguyễn Trần Thành Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
4	DH71902132	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_KD01
5	DH71900476	Nguyễn Hoàng Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
6	DH71901672	Nguyễn Phước Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
7	DH71905580	Nguyễn Tấn Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
8	DH71900005	Huỳnh Thị Tuyết Hoa	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D19_KD01
9	DH71903626	Nguyễn Quốc Hoàn	14	-	-	-	-	14	-	-	1	D19_KD01
10	DH71900030	Lưu Gia Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
11	DH71800747	Nguyễn Cao Gia Hy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
12	DH71900052	Phan Đăng Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
13	DH71903814	Trần Đăng Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
14	DH71904983	Phạm Thị Kìa	32.5	-	-	-	-	32.5	-	-	0	D19_KD01
15	DH71905029	Nguyễn Thị Thiên Lý	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
16	DH71903980	Lê Thị Mai	59	15	-	-	-	44	-	-	0	D19_KD01
17	DH71905322	Lê Nguyễn Tuyết Ngân	9	-	-	-	-	9	-	-	6	D19_KD01
18	DH71904093	Nguyễn Văn Quốc Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
19	DH71900334	Đỗ Anh Nhật	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
20	DH71902218	Nguyễn Hồng Nhi	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D19_KD01
21	DH71902551	Lê Thị Quỳnh Như	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_KD01
22	DH71904416	Lý Minh Tâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
23	DH71904456	Mã Đỗ Thiện Thanh	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5	D19_KD01
24	DH71902933	Nguyễn Ngọc Giang Thanh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_KD01
25	DH71902925	Nguyễn Thị Phương Thanh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_KD01
26	DH71905586	Nguyễn Hoàng Thanh Thảo	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D19_KD01
27	DH71904497	Nguyễn Thị Thảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
28	DH71905529	Nguyễn Phước Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
29	DH71900966	Trần Nguyễn Thanh Thùy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_KD01
30	DH71902615	Trần Thị Hồng Thủy	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D19_KD01
31	DH71900394	Phạm Thị Ngọc Thúy	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5	D19_KD01
32	DH71902823	Nguyễn Thị Hoài Thương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
33	DH71904623	Nguyễn Duy Thương	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_KD01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
34	DH71902133	Huỳnh Anh Thy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_KD01
35	DH71902818	Nguyễn Thị Bảo Trang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
36	DH71904706	Nguyễn Thụy Ngọc Trâm	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D19_KD01
37	DH71902626	Lê Nguyễn Thị Huyền Trân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_KD01
38	DH71902817	Nguyễn Thị Bảo Trân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
39	DH71904796	Hoàng Anh Tú	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_KD01
40	DH71900277	Trần Nguyễn Minh Tú	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_KD01
41	DH71904836	Hoàng Văn Tuyền	0	0	0	0	0	0	0	0	15	D19_KD01
42	DH71904837	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_KD01
43	DH71901608	Lê Thúy Vi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_KD01
44	DH71806099	Phan Thị Thanh Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD01
45	DH71901044	Võ Nguyễn Mộng Vy	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D19_KD01
1	DH71902384	Huỳnh Thị Khả ái	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
2	DH71905385	Nguyễn Thị Vân Anh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_KD02
3	DH71905100	Đinh Phạm Thiên Ân	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_KD02
4	DH71905497	Hàn Long Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
5	DH71900200	Nguyễn Gia Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
6	DH71900369	Trần Thị Ngọc Bích	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
7	DH71901881	Phan Đặng Thanh Bình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
8	DH71903236	Lê Quốc Bửu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
9	DH71903250	Lê Thị Huyền Châu	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_KD02
10	DH71903349	Mai Trần Khánh Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
11	DH71902589	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_KD02
12	DH71902044	Nguyễn Ngô Kỳ Duyên	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_KD02
13	DH71902845	Nguyễn Hồ Ngọc Giang	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D19_KD02
14	DH71900155	Nguyễn Hải Hà	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
15	DH71902197	Trần Thị Hào	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_KD02
16	DH71905133	Huỳnh Ngọc Hân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
17	DH71903533	Phan Thị Kim Hân	13.5	-	-	-	-	13.5	-	-	1.5	D19_KD02
18	DH71905107	Trần Thị Mỹ Hồng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
19	DH71902269	Trần Quốc Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
20	DH71903852	Nguyễn Thị Thúy Lan	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
21	DH71902480	Lê Du Gia Linh	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_KD02
22	DH71905579	Huỳnh Thị Thảo Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
23	DH71905078	Lê Trung Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
24	DH71904076	Phan Trọng Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
25	DH71902636	Trần Thị Thanh Ngọc	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D19_KD02
26	DH71904120	Hồ Ngọc Nhân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
27	DH71905291	Ngô Thị Tuyết Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
28	DH71902076	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
29	DH71901967	Bùi Mạnh Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
30	DH71901418	Phạm Nhật Quang	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_KD02
31	DH71902237	Hoàng Thanh Tân	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5	D19_KD02
32	DH71900188	Phạm Chiến Thắng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
33	DH71900281	Nguyễn Kim Thoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
34	DH71900076	Lê Mộng Thu	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_KD02
35	DH71902100	Lê Tùng Bảo Trâm	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_KD02
36	DH71902676	Nguyễn Hà Trâm	14	-	-	-	-	14	-	-	1	D19_KD02
37	DH71902258	Bành Thanh Minh Trí	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
38	DH71905250	Trần Thị Ngọc Trinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
39	DH71905310	Lê Việt Tuấn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_KD02
40	DH71901837	Nguyễn Việt Tùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_KD02
41	DH71902667	Ngô Thị Thanh Vy	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5	D19_KD02
42	DH71902287	Trần Thị Thanh Xuyên	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D19_KD02
1	DH71903119	Lại Tấn Trường An	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
2	DH71900513	Nguyễn Thị Minh An	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
3	DH71903153	Ngô Hiếu Anh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR01
4	DH71901184	Nguyễn Thị Huệ Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
5	DH71901050	Nguyễn Kim ánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
6	DH71903203	Lê Thanh Bảo	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR01
7	DH71800157	Hồ Minh Châu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
8	DH71903314	Vô Thị Diễm	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR01
9	DH71903331	Nguyễn Anh Dũng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
10	DH71903375	Phan Kỳ Duyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR01
11	DH71903414	Nguyễn Thành Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
12	DH71903518	Nguyễn Thị Hào	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_MAR01
13	DH71900626	Nguyễn Võ Minh Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
14	DH71901180	Trần Tú Hồng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
15	DH71900121	Lý Trường Huy	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_MAR01
16	DH71903786	Vương Minh Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
17	DH71903790	Trương Trần Văn Khanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
18	DH71901207	Dương Minh Khôi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
19	DH71903049	Vương Nguyễn Anh Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
20	DH71901053	Lợi Ngọc Kim	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
21	DH71700042	Lê Văn Hoàng Lân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
22	DH71900124	Lương Vĩ Lập	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
23	DH71902039	Phan Xuân Phi Long	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
24	DH71900420	Phan Hữu Lộc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
25	DH71903055	Ngô Hương Ly	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
26	DH71901130	Nguyễn Thị Cẩm Ly	1.5	-	-	-	1	0.5	-	-	13.5	D19_MAR01
27	DH71901458	Đinh Thị Huỳnh My	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
28	DH71901587	Lê Diễm My	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR01
29	DH71904018	Lê Phú Mỹ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
30	DH71900889	Nguyễn Nhật Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
31	DH71900306	Lê Hoàng Kim Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
32	DH71900229	Nguyễn Thị Kim Nhân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR01
33	DH71900122	Trần Ngọc Xuân Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
34	DH71900197	Phan Thị Minh Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
35	DH71904372	Bùi Xuân Sơn	8	-	-	-	-	8	-	-	7	D19_MAR01
36	DH71901643	Phan Thị Kim Thảo	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_MAR01
37	DH71905043	Võ Thị Ngọc Thảo	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR01
38	DH71901397	Lưu Thái Thiên Thiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
39	DH71904567	Vũ Tuấn Thông	8	-	-	-	-	8	-	-	7	D19_MAR01
40	DH71904594	Đỗ Thị Thanh Thủy	8	-	-	-	-	8	-	-	7	D19_MAR01
41	DH71904610	Huỳnh Thị Anh Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
42	DH71905612	Huỳnh Trọng Tín	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
43	DH71904707	Trần Thị Lan Trâm	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_MAR01
44	DH71901395	Nguyễn Lê Bảo Trân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
45	DH71901777	Phan Thị Mai Trân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR01
46	DH71904869	Trần Hồng Thảo Vân	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_MAR01
47	DH71801369	Nguyễn Trường Vũ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
48	DH71900162	Huỳnh Thị Ngọc Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
49	DH71900205	Trần Thảo Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
50	DH71901520	Trần Lê Xuân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR01
51	DH71901238	Huỳnh Mai Hải Yến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR01
1	DH71903036	Nguy Kiều Nguyệt ánh	7	-	-	-	1	6	-	-	8	D19_MAR02
2	DH71902074	Nguyễn Văn Cường	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_MAR02
3	DH71900078	Nguyễn Phúc Minh Đăng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
4	DH71901677	Phan Thị Thu Hà	17	-	-	-	-	17	-	-	0	D19_MAR02
5	DH71900102	Đặng Thị Kim Hằng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
6	DH71902553	Vương Chí Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
7	DH71903699	Lương Minh Huyền	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D19_MAR02
8	DH71900534	Nguyễn Thái Hưng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
9	DH71901309	Trần Thọ Khang	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_MAR02
10	DH71903792	Huỳnh Thị Kim Khánh	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_MAR02
11	DH71900010	Tăng Diệu Khánh	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D19_MAR02
12	DH71900338	Nguyễn Phước Tuấn Kiệt	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_MAR02
13	DH71905022	Nguyễn Thị Thùy Linh	10	-	-	-	1	9	-	-	5	D19_MAR02
14	DH71900448	Nguyễn Lê Trường Luân	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_MAR02
15	DH71900688	Nguyễn Phan Trúc Mai	13	-	-	-	-	13	-	-	2	D19_MAR02
16	DH71904048	Nguyễn Đoàn Thanh Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
17	DH71900699	Trần Ngọc Mỹ Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
18	DH71904055	Trần Thu Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
19	DH71901793	Trần Minh Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
20	DH71901100	Chung Phương Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
21	DH71901722	Trần Hồng Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
22	DH71904109	Phan Nguyễn Huỳnh Nguyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
23	DH71904112	Trần Thị Thảo Nguyên	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_MAR02
24	DH71900432	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_MAR02
25	DH71900353	Đoàn Thị Quỳnh Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
26	DH71900214	Nguyễn Thị Ngọc Như	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D19_MAR02
27	DH71901030	Lê Văn Nước	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
28	DH71900330	Phạm Tấn Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
29	DH71904235	Nguyễn Phương Thành Phong	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_MAR02
30	DH71904288	Nguyễn Trọng Phương	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D19_MAR02
31	DH71900449	Vũ Thị Thu Phương	11	-	-	-	-	11	-	-	4	D19_MAR02

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
32	DH71904308	Trần Chấn Quang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
33	DH71900323	Võ Trúc Quỳnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
34	DH71904396	Nguyễn Anh Minh Tài	16	15	-	-	1	-	-	-	0	D19_MAR02
35	DH71903051	Huỳnh Công Thành	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_MAR02
36	DH71904501	Lê Thị Hồng Thắm	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_MAR02
37	DH71900114	Lục Nguyễn Thuận	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D19_MAR02
38	DH71900431	Nguyễn Minh Thuận	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR02
39	DH71904597	Trương Thị Thanh Thủy	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D19_MAR02
40	DH71900356	Phùng Thị Anh Thư	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_MAR02
41	DH71904647	Nguyễn Phùng Minh Tiến	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_MAR02
42	DH71900275	Lê Thị Như Trang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
43	DH71904694	Phạm Thị Quỳnh Trang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
44	DH71904702	Huỳnh Phạm Quế Trâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
45	DH71900400	Nguyễn Thị Huệ Trân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
46	DH71900694	Đậu Thị Trì	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR02
47	DH71900011	Võ Thị Kiều Trinh	8	-	-	-	1	7	-	-	7	D19_MAR02
48	DH71901719	Nguyễn Dương Thanh Tùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
49	DH71905040	Đình Thế Uy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
50	DH71903047	Phùng Thái Vinh	3.5	-	-	-	1	2.5	-	-	11.5	D19_MAR02
51	DH71904921	Lê Trung Vĩnh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR02
52	DH71900136	Phạm Quỳnh Ngọc Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
53	DH71901756	Hồ Nhật ý	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR02
54	DH71904710	H Trâm Ya	8	-	-	-	-	8	-	-	7	D19_MAR02
1	DH71905097	Nguyễn Thúy An	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
2	DH71901564	Nguyễn Thái Anh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR03
3	DH71905094	Phạm Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
4	DH71902355	Trần Quốc Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
5	DH71901571	Nguyễn Thị Ngọc Châu	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_MAR03
6	DH71905342	Hồ Hải Đăng	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_MAR03
7	DH71905237	Nguyễn Hải Đăng	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_MAR03
8	DH71902819	Nguyễn Đức Em	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
9	DH71902902	Phạm Trường Giang	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_MAR03
10	DH71902065	Bùi Duy Hải Hà	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D19_MAR03
11	DH71902155	Trần Chí Hòa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
12	DH71901392	Lê Thị Thanh Hiền	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_MAR03
13	DH71900354	Nguyễn Thị Thu Hiền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
14	DH71902215	Ngũ Tuấn Hùng	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_MAR03
15	DH71902367	Trần Quang Huy	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_MAR03
16	DH71902471	Nguyễn Thị Khánh Huyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
17	DH71905365	Hà Hải Hưng	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_MAR03
18	DH71902385	Nguyễn Hưng	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_MAR03
19	DH71903820	Nguyễn Duy Khôi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
20	DH71902183	Nguyễn Thị Khánh Lại	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
21	DH71905108	Trương Yên Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
22	DH71903022	Nguyễn Hoàng Long	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
23	DH71905507	Ngô Minh Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
24	DH71902766	Bạch Vũ Thảo Nhi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR03
25	DH71905134	Nguyễn Lâm Yên Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
26	DH71901146	Phan Thùy Tuyết Nhi	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_MAR03
27	DH71902963	Lê Tấn Phát	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR03
28	DH71905278	Trần Long Thanh Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
29	DH71902093	Lý Trí Quang	31	15	-	-	1	15	-	-	0	D19_MAR03
30	DH71902083	Nguyễn Thanh Quý	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5	D19_MAR03
31	DH71901195	Nguyễn Thị Kim Quyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
32	DH71903085	Nguyễn Thị Thảo Quyên	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_MAR03
33	DH71900933	Phạm Tú Quỳnh	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D19_MAR03
34	DH71905333	Nguyễn Thị Bích Thơ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
35	DH71901475	Nguyễn Văn Thuận	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
36	DH71902007	Hồ Trương Bảo Thùy	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5	D19_MAR03
37	DH71905506	Lê Ngọc Thanh Thùy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
38	DH71905318	Lê Vĩnh Thụy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
39	DH71905124	Phạm Văn Toàn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
40	DH71902389	Lê Thị Thu Trang	12.5	-	-	-	1	11.5	-	-	2.5	D19_MAR03
41	DH71901684	Tổng Ngọc Trâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
42	DH71901320	Đoàn Quốc Trí	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
43	DH71902723	Hồ Thanh Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
44	DH71900850	Trà Huỳnh Thanh Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
45	DH71905248	Nguyễn Viết Văn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
46	DH71904907	Nguyễn Hữu Vinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
47	DH71903014	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
48	DH71902127	Nguyễn Ngọc Như ý	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_MAR03
49	DH71902673	Nguyễn Thị Hoàng Yến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR03
1	DH71905253	Huỳnh Thị Thúy An	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_MAR04
2	DH71905081	Nguyễn Bùi Lan Anh	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_MAR04
3	DH71902722	Nguyễn Minh Anh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR04
4	DH71905512	Hồ Ngọc Quỳnh Châu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
5	DH71905208	Lê Thị Thảo Dân	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_MAR04
6	DH71902079	Nguyễn Trương Anh Dũng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
7	DH71902271	Trần Vũ Hạ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
8	DH71902256	Lê Thị Hồng Hạnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
9	DH71902887	Võ Thụy Diễm Hằng	13	-	-	-	2	11	-	-	2	D19_MAR04
10	DH71905254	Nguyễn Ngọc Hân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
11	DH71902735	Nguyễn Minh Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
12	DH71901260	Nguyễn Đức Hòa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
13	DH71902713	Thái Gia Huy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR04
14	DH71902191	Đặng Chí Hưng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
15	DH71902872	Nguyễn Chí Khang	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_MAR04
16	DH71905302	Nguyễn Hữu Khánh	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D19_MAR04
17	DH71902404	Huỳnh Thị Như Loan	10.5	-	-	-	-	10.5	-	-	4.5	D19_MAR04
18	DH71902613	Nguyễn Hoàng Cẩm Ly	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
19	DH71901788	Trương Văn Hoài Nam	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR04
20	DH71901810	Huỳnh Thị Thanh Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
21	DH71900646	Trịnh Trọng Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
22	DH71902482	Phan Hồng Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
23	DH71901827	Lê Thị Thảo Nguyên	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_MAR04
24	DH71901688	Phan Hồ Minh Nguyệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
25	DH71905110	Nguyễn Ngọc Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
26	DH71903004	Nguyễn Trí Nhựt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
27	DH71905268	Đỗ Nguyễn Ngọc Phước	16.5	-	-	-	-	16.5	-	-	0	D19_MAR04
28	DH71902343	Nguyễn Thị Thanh Phương	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_MAR04
29	DH71905546	Phạm Thị Kiều Phương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR04
30	DH71902791	Huỳnh Phước Sang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR04

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
31	DH71902360	Nguyễn Đỗ Tú Tài	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR04
32	DH71902666	Lê Trần Phước Thọ	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR04
33	DH71905246	Vũ Văn Thùy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR04
34	DH71902918	Nguyễn Minh Thức	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5	D19_MAR04
35	DH71902898	Huỳnh Thị Anh Thy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR04
36	DH71904633	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D19_MAR04
37	DH71902490	Cổ Hoàng Trung Tín	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR04
38	DH71902541	Lê Trung Tính	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
39	DH71902773	Ngô Bội Trân	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_MAR04
40	DH71902604	Trần Thảo Trân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR04
41	DH71902939	Nguyễn Minh Trí	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D19_MAR04
42	DH71902442	Trương Thị Kim Trinh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_MAR04
43	DH71902628	Nguyễn Xuân Truyền	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_MAR04
44	DH71902972	Đặng Thanh Tú Tú	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_MAR04
45	DH71905539	Nguyễn Trần Anh Tuấn	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_MAR04
46	DH71900344	Dương Lê Mỹ Uyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_MAR04
47	DH71902736	Trịnh Hà Vi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_MAR04
1	DH71903131	Phan Thị Thanh An	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D19_TC01
2	DH71900570	Trịnh Quốc An	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TC01
3	DH71903139	Dương Thị Ngọc Anh	21	-	-	-	-	21	-	-	0	D19_TC01
4	DH71903164	Nguyễn Thị Vân Anh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TC01
5	DH71900978	Huỳnh Thị Thu Ba	57.5	-	-	-	-	57.5	-	-	0	D19_TC01
6	DH71900022	Võ Ngọc Hoàng Châu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
7	DH71903319	Võ Ngọc Phương Du	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
8	DH71901713	Lê Nguyễn Ngọc Dung	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TC01
9	DH71900833	Trần Lê Phương Dung	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D19_TC01
10	DH71903347	Lê Võ Khánh Duy	32.5	12	-	-	-	20.5	-	-	0	D19_TC01
11	DH71900865	Nguyễn Thị Thùy Dương	18.5	13.5	-	-	-	5	-	-	0	D19_TC01
12	DH71901500	Bạch Thành Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
13	DH71901171	Trương Đỗ Quốc Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
14	DH71902967	Nguyễn Thị Hồng Gấm	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D19_TC01
15	DH71900725	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TC01
16	DH71901482	Dương Thị Thúy Hằng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
17	DH71903553	Nguyễn Thị Cẩm Hiền	14	-	-	-	-	14	-	-	1	D19_TC01

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
18	DH71903574	Lê Đức	Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
19	DH71903601	Nguyễn Hồng	Hoa	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TC01
20	DH71905018	Võ Thị Thùy	Huyền	32	-	-	-	-	32	-	-	0	D19_TC01
21	DH71903706	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TC01
22	DH71903709	Tổng Thụy Mai	Huyền	21.5	15.5	-	-	-	6	-	-	0	D19_TC01
23	DH71903788	Lưu Ngọc	Khanh	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D19_TC01
24	DH71900288	Nguyễn Tuấn	Kiệt	16	16	-	-	-	-	-	-	0	D19_TC01
25	DH71901668	Hồ Thị Trúc	Linh	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_TC01
26	DH71901456	Trần Nguyễn Trúc	Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
27	DH71900048	Võ Như	Mến	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_TC01
28	DH71904011	Cao Huyền	My	46.5	-	-	-	1	45.5	-	-	0	D19_TC01
29	DH71904013	Lai Thùy Bảo	My	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5	D19_TC01
30	DH71900254	Lương Kiều	My	21	-	-	-	-	6	15	-	0	D19_TC01
31	DH71902557	Trần Ngọc Bảo	Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
32	DH71904979	Nguyễn Chí	Nghĩa	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TC01
33	DH71904149	Châu Huỳnh	Nhi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TC01
34	DH71904161	Nguyễn Đặng Yến	Nhi	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TC01
35	DH71904162	Nguyễn Hồng Yến	Nhi	10.5	-	-	-	-	10.5	-	-	4.5	D19_TC01
36	DH71900719	Lê Phạm Quỳnh	Như	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TC01
37	DH71900243	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D19_TC01
38	DH71901573	Hồ Thị Kiều	Oanh	7.5	-	-	-	-	7.5	-	-	7.5	D19_TC01
39	DH71901569	Võ Thị Hoàng	Oanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
40	DH71900160	Nguyễn Hồng	Phúc	21	-	-	-	-	21	-	-	0	D19_TC01
41	DH71901680	Nguyễn Tấn	Phúc	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TC01
42	DH71901301	Lê Thị Diễm	Phương	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TC01
43	DH71904298	Trần Kim	Phượng	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_TC01
44	DH71904337	Đào Thị Thúy	Quyên	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TC01
45	DH71900777	Huỳnh Thị	Quyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TC01
46	DH71904999	Trần Uyên	Sâm	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_TC01
47	DH71904392	Bùi Phát	Tài	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TC01
48	DH71901563	Huỳnh Thị Minh	Thanh	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_TC01
49	DH71904503	Phan Thị Hồng	Thắm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
50	DH71905055	Ngô Quốc	Thắng	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D19_TC01
51	DH71904521	Hậu Tuệ	Thi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
52	DH71904528	Phạm Thị Mai Thi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
53	DH71901618	Trương Thị Thanh Thủy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
54	DH71904606	Trần Thanh Thúy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
55	DH71901929	Nguyễn Thị Minh Thư	26.5	-	-	-	-	26.5	-	-	0	D19_TC01
56	DH71901856	Lê Chí Thức	8	-	-	-	-	8	-	-	7	D19_TC01
57	DH71904697	Quách Thị Hồng Trang	8	-	-	-	-	8	-	-	7	D19_TC01
58	DH71901292	Nguyễn Thị Kiều Trâm	8	-	-	-	-	8	-	-	7	D19_TC01
59	DH71900855	Lê Thị Thanh Trâm	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D19_TC01
60	DH71904759	Nguyễn Thanh Trúc	14.5	14.5	-	-	-	-	-	-	0.5	D19_TC01
61	DH71900028	Ngô Thị Cẩm Tú	15.5	-	-	-	-	0.5	15	-	0	D19_TC01
62	DH71901915	Nguyễn Phạm Thị Cẩm Tú	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TC01
63	DH71904838	Phan Thị Ngọc Tuyền	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D19_TC01
64	DH71905063	Trần Thị Minh Tuyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
65	DH71901640	Trương Thị Mỹ Tuyền	8	-	-	-	-	8	-	-	7	D19_TC01
66	DH71904851	Nguyễn Dương T Tròn; Uyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
67	DH71904928	Nguyễn Hoàng Vũ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
68	DH71900622	Huỳnh Tường Vy	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TC01
69	DH71900012	Lê Thị Tường Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC01
1	DH71905609	Lê Khả ái	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TC02
2	DH71901199	Cao Quốc An	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
3	DH71905200	Bùi Phương Quỳnh Anh	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TC02
4	DH71905470	Đình Thị Ngọc Anh	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D19_TC02
5	DH71900142	Huỳnh Ngọc Trúc Anh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TC02
6	DH71903163	Nguyễn Thị Lan Anh	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D19_TC02
7	DH71905578	Nguyễn Thị Ngọc ánh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TC02
8	DH71903211	Nguyễn Thiết Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
9	DH71901572	Trần Thị Kim Chi	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D19_TC02
10	DH71902484	Đỗ Quốc Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
11	DH71903358	Nguyễn Trường Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
12	DH71905232	Trần Thị ái Duyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TC02
13	DH71900286	Phạm Đặng Thùy Dương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
14	DH71901950	Nguyễn Thị Mỹ Dy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
15	DH71901595	Huỳnh Thiệu Đào	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
16	DH71903495	Trần Vĩnh Hải	14.5	-	-	-	-	14.5	-	-	0.5	D19_TC02

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
17	DH71905424	Đỗ Thị Thu	Hiền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
18	DH71900871	Phan Thị Thu	Hiền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
19	DH71905598	Phạm Lê	Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
20	DH71901457	Trần Nhựt	Khanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
21	DH71905068	Trịnh Nhựt	Khánh	20.5	-	-	-	-	20.5	-	-	0	D19_TC02
22	DH71901304	Nguyễn Xuân Nhất	Khuê	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D19_TC02
23	DH71902594	Dương Bảo	Long	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
24	DH71902523	Trần Minh	Lộc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
25	DH71900488	Lương Kim	Luân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
26	DH71903992	Vũ Hoàng	Mi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TC02
27	DH71904998	Nguyễn Thanh	Nga	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TC02
28	DH71905611	Hồ Trần Trường	Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
29	DH71901943	Lương Thị Kim	Ngân	15	-	-	-	-	-	15	-	0	D19_TC02
30	DH71902305	Nguyễn Thị Kim	Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
31	DH71902273	Phạm Tuyết	Ngân	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D19_TC02
32	DH71902340	Võ Thị Thanh	Ngân	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D19_TC02
33	DH71900292	Hồ Quang	Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
34	DH71904094	Trần Thị Tuyết	Ngọc	14	-	-	-	-	14	-	-	1	D19_TC02
35	DH71901629	Lê Thị Thanh	Nguyên	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_TC02
36	DH71900692	Bùi Thị Yến	Nhi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TC02
37	DH71902932	Ngô Thị Ngọc	Nhi	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D19_TC02
38	DH71900522	Dương Quỳnh	Nhung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
39	DH71900310	Huỳnh Kiều	Oanh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TC02
40	DH71905428	Lý Hồ Thuận	Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
41	DH71900883	Võ Thị Ngọc	Quý	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D19_TC02
42	DH71905101	Trần Thanh	Thảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
43	DH71901264	Huỳnh Thị Hồng	Thắm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
44	DH71902758	Vũ Thị Thu	Thủy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
45	DH71902466	Lương Nguyễn Minh	Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
46	DH71900835	Đoàn Thị Thủy	Tiên	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TC02
47	DH71900887	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
48	DH71902717	Nguyễn Phạm Thanh	Trúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
49	DH71900091	Phùng Ngọc	Tường	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TC02
50	DH71905053	Huỳnh Nguyễn Trúc	Vy	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D19_TC02

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
51	DH71904945	Nguyễn Dương Thúy Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
52	DH71905441	Nguyễn Thị Thúy Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
53	DH71900704	Nguyễn Thị Tuyết Xuân	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D19_TC02
54	DH71900193	Võ Thị Như ý	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D19_TC02
55	DH71904969	Cao Thị Yên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D19_TC02
56	DH71900695	Nguyễn Thị Yên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D19_TC02
1	DH72000343	Nguyễn Duy Hoàng Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
2	DH72003891	Phạm Tuấn Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
3	DH72002475	Hồ Minh Chánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
4	DH72000047	Lê Công Danh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
5	DH72005709	Nguyễn Thành Danh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
6	DH72003483	Từ Huỳnh Trí Dũng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
7	DH72000030	Châu Đức Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
8	DH72005725	Nguyễn Bảo Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
9	DH72001585	Nguyễn Ngọc Duy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT01
10	DH72002148	Nguyễn Thị Thùy Duyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
11	DH72003401	Nguyễn Phước Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
12	DH72003780	Võ Lê Thị Huỳnh Giang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
13	DH72001594	Vũ Nhật Hào	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
14	DH72001980	Hồ Thị Ngọc Hân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT01
15	DH71902656	Lê Vũ Mạnh Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
16	DH72000076	Tôn Tuyết Hoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
17	DH72000643	Trần Quốc Hoài	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
18	DH72001863	Nguyễn Trung Kiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
19	DH72002718	Đặng Thị Cẩm Ly	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
20	DH72000830	Phan Thị Diễm My	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
21	DH72001608	Đặng Ngọc Thu Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
22	DH72002156	Đặng Thị Kim Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
23	DH72000143	Hồ Thị Bích Ngân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT01
24	DH72001604	Trần Trung Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
25	DH72001262	Phạm Bích Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
26	DH72005984	Nguyễn Hoàng Nguyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
27	DH72002726	Trương Thị Hương Nhanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
28	DH72001671	Nguyễn Ngọc Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
29	DH72002655	Nguyễn Thị Yến	Nhi	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT01
30	DH72001864	Mai Huỳnh	Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
31	DH72003627	Lê Thị Kiều	Oanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
32	DH71904309	Vũ Minh	Quang	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT01
33	DH72000052	Lê Nguyễn Ngọc	Quý	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
34	DH72003052	Nguyễn Thị Sang	Sang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT01
35	DH72002705	Hoàng Thị	Sen	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D20_QT01
36	DH72002786	Nguyễn Trần Thiện	Thanh	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT01
37	DH72003594	Nguyễn Minh	Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
38	DH72000040	Nguyễn Thị Thu	Thảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
39	DH72003230	Võ Tường Phương	Thảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
40	DH72003158	Ngô Ngọc Minh	Thông	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
41	DH72001742	Nguyễn Minh	Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
42	DH72001220	Nguyễn Hoàng Cẩm	Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
43	DH71803575	Võ Ngọc	Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
44	DH72003899	Nguyễn Thị Thùy	Trang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
45	DH72002914	Hoàng Thị Ngọc	Trâm	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT01
46	DH72002231	Nguyễn Đỗ Phương	Trâm	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT01
47	DH72001868	Võ Trương Bảo	Trân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
48	DH72003797	Đỗ Võ Thúy	Trinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
49	DH71901462	Huỳnh Anh	Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
50	DH72000041	Trần Anh	Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
51	DH72002232	Nguyễn Thị Thu	Uyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT01
52	DH72003884	Đỗ Thị Thanh	Vân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
53	DH71900580	Liên Đỗ Triệu	Vi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
54	DH72002867	Lý Thị Ngọc	Xuyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
55	DH72002338	Lê Thị Kim	Yến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT01
1	DH72001136	Phạm Thị Lan	Anh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT02
2	DH72002620	Nguyễn Văn	Cảnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
3	DH72001505	Lâm Huỳnh Bảo	Châu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
4	DH72001471	Thái Quốc	Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
5	DH72001025	Trần Thị Thanh	Hằng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
6	DH72000307	Lê Thị Ngọc	Hân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
7	DH72000427	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02

STT	MSSV	Họ và tên		Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
8	DH72002045	Phạm Thị Thu	Hiền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
9	DH72003067	Thái Phi	Hùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
10	DH72001122	Hoàng Quốc	Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
11	DH72001909	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
12	DH72002451	Trương Gia	Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
13	DH72001001	Huỳnh Phối	Loan	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D20_QT02
14	DH72002128	Bừu Lê Kim	Ngân	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D20_QT02
15	DH72000938	Lưu Quang	Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
16	DH72003292	Lê Thị Bảo	Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
17	DH72001643	Trương Bích	Ngọc	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_QT02
18	DH72001167	Huỳnh Phương Thảo	Nguyễn	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5	D20_QT02
19	DH72001801	Nguyễn Tấn	Ninh	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_QT02
20	DH72002261	Phạm Kim	Phan	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
21	DH72003818	Lê Thuận	Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
22	DH72002665	Trần Tấn	Phi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
23	DH72001354	Nguyễn Hoài	Phong	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_QT02
24	DH72001741	Nguyễn Huỳnh Thanh	Phong	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT02
25	DH72003050	Đoàn Văn	Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
26	DH72001151	Trần Minh	Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
27	DH72001625	Châu Thị	Phương	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D20_QT02
28	DH72001217	Huỳnh Ngô Mai	Phương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT02
29	DH72002260	Lê Thị Yến	Quỳnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
30	DH72001665	Cao Nguyễn Thu	Thảo	9	-	-	-	-	9	-	-	6	D20_QT02
31	DH72002340	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT02
32	DH72003079	Bùi Thị Diệu	Thắm	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT02
33	DH72002431	Đỗ Ngọc Diễm	Thu	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D20_QT02
34	DH72002846	Vũ Thị Hà	Thu	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_QT02
35	DH72000627	Nguyễn Tấn	Thuận	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D20_QT02
36	DH72000283	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
37	DH72000462	Phạm Minh	Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
38	DH72002425	Võ Phạm Ngọc	Trâm	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D20_QT02
39	DH72001368	Đặng Thị Huyền	Trần	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D20_QT02
40	DH72002030	Nguyễn Trần Minh	Triết	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
41	DH72000197	Lê Huy	Trường	8	-	-	-	-	8	-	-	7	D20_QT02

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
42	DH72000067	Nguyễn Hà Văn Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
43	DH72002022	Hà Thanh Tuyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
44	DH72003086	Trần Lê Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
45	DH72002186	Phạm Đặng Như ý	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT02
1	DH72002715	Trương Cao Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
2	DH72002549	Tổng Thị Thùy Dương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
3	DH72000113	Nguyễn Anh Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
4	DH72000634	Đoàn Thị Tuyết Hân	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT03
5	DH72001350	Lê Thị Ngọc Hiếu	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D20_QT03
6	DH72001048	Nguyễn Minh Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
7	DH72001301	Giang Ngọc Hồng	20	-	-	-	-	20	-	-	0	D20_QT03
8	DH72002890	Đặng Thị Huệ	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT03
9	DH72003904	Nguyễn Thị Gia Huệ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
10	DH72001059	Nguyễn Lê Xuân Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
11	DH72003901	Nguyễn Ngọc Tường Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
12	DH72000261	Võ Thị Ngọc Linh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT03
13	DH72000342	Nguyễn Ngọc My	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
14	DH72002993	Trần Thị Thảo Ngân	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D20_QT03
15	DH72004103	Trương Hồ Trúc Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
16	DH72001164	Trần Thị Bảo Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
17	DH72002018	Trịnh Gia Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
18	DH72002461	Bùi Thị An Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
19	DH72001130	Lê Trần Hồng Như	30	-	-	-	-	30	-	-	0	D20_QT03
20	DH72001475	Nguyễn Thị Yên Như	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_QT03
21	DH72001128	Đỗ Tấn Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
22	DH72003300	Nguyễn Thị Mai Phương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT03
23	DH72003482	Hà Thị Phương Thanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
24	DH72002866	Nguyễn Dương Mỹ Trinh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT03
25	DH72004065	Nguyễn Thanh Trúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
26	DH72000383	Võ Phan Tuấn Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
27	DH72001163	Trần Thị Bảo Uyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
28	DH72003898	Nguyễn Thị Kim Yên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT03
1	DH72003131	Lê Lạc Yên Chi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
2	DH72003577	Nguyễn Thị ánh Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
3	DH72002570	Trần Thị Thùy Dương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
4	DH72001414	Hà Việt Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
5	DH72001813	Vũ Tiến Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
6	DH72002543	Lưu Trung Đương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
7	DH72001611	Thái Ngọc Hào	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
8	DH72003581	Võ Ngọc Hân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
9	DH72002811	Phan Gia Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
10	DH72004315	Trần Đình Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
11	DH72001562	Trần Võ Tuấn Kha	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT04
12	DH72002115	Nguyễn Ngọc Vĩ Khang	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT04
13	DH72000962	Lưu Đặng Anh Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
14	DH72002215	Phạm Thị Mỹ Liên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
15	DH72002776	Hồ Văn Lượng	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT04
16	DH72003846	Nguyễn Thị Trúc My	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT04
17	DH72003497	Nguyễn Thị Thanh Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
18	DH72003656	Phạm Thị Kim Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
19	DH72001119	Đào Thị Kiều Nhung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
20	DH72003333	Nguyễn Hà Thế Phi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
21	DH72001618	Trần Thị Phương Quỳnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
22	DH72003585	Lê Tấn Roon	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
23	DH72000422	Võ Thanh Sơn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
24	DH72003265	Đào Thị Phương Thảo	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT04
25	DH72003897	Nguyễn Thị Hồng Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
26	DH72003275	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_QT04
27	DH72003892	Lưu Phúc Nhựt Tiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
28	DH72003133	Trần Thị Minh Trân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
29	DH72003130	Nguyễn Phạm Trung Trinh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
30	DH72003326	Hồ Thị Thủy Trúc	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT04
31	DH72003575	Phạm Thành Trung	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_QT04
32	DH72002820	Phạm Đình Trường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
33	DH72002292	Nguyễn Huy Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
34	DH72003582	Thân Văn Tuệ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
35	DH72003815	Trần Tố Tuyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
36	DH72001873	Bùi Ngọc Thảo Uyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
37	DH72000437	Nguyễn Hà Tố Uyên	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D20_QT04
38	DH72001626	Bùi Thị Yến Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
39	DH72001704	Lê Nguyễn Ngọc Yến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT04
1	DH72002006	Đỗ Bé Bình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
2	DH72000063	Nguyễn Thị Thùy Dương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
3	DH72002273	Phạm Thùy Cao Dương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
4	DH72001383	Võ Lê Linh Đan	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
5	DH72001426	Trần Ngọc Phúc Hậu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
6	DH72003070	Nguyễn Thành Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
7	DH72001179	Vũ Huệ Hoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
8	DH72000399	Nguyễn Gia Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
9	DH72003896	Văn Thái Trường Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
10	DH72003579	Biện Thanh Anh Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
11	DH72003522	Bùi Anh Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
12	DH72001575	Bùi Phạm Hoàng Lâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
13	DH72003571	Nguyễn Thị Hồng Loan	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
14	DH72003071	Nguyễn Đặng Thảo Ly	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
15	DH72003641	Bùi Thị ái Mỹ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
16	DH72003175	Nguyễn Bảo Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
17	DH72003914	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
18	DH72003549	Nguyễn Phúc Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
19	DH72003907	Lê Thị Bích Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
20	DH72003293	Ngô Nguyễn Yến Nhi	22	-	-	-	-	22	-	-	0	D20_QT05
21	DH72003752	Võ Thị Tuyết Nhung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
22	DH72003812	Nguyễn Thị Huỳnh Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
23	DH72003946	Nguyễn Thị Huỳnh Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
24	DH72003516	Nguyễn Thị Thục Oanh	34	-	-	-	-	34	-	-	0	D20_QT05
25	DH72003545	Nguyễn Thị Tuyết Oanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
26	DH72003906	Lâm Hạnh Phương	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_QT05
27	DH72001417	Trần Ngọc Thái Tài	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
28	DH72001449	Tô Trường Thanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
29	DH72003873	Phạm Hồng Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
30	DH72003887	Đào Huỳnh Hoàng Tiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
31	DH72002119	Du Thị Ngọc Trang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
32	DH72003620	Nguyễn Hồ Thùy Trang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
33	DH72003609	Lê Võ Bích Trâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
34	DH72001559	Tổng Minh Trí	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
35	DH72003564	Phan Thanh Trúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
36	DH72001147	Đoàn Thanh Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
37	DH72003601	Lê Thị Ngọc Tuyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
38	DH72003256	Phạm Thanh Vũ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
39	DH72003572	Trần Hoàng Hồng Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT05
1	DH72005041	Đỗ Thị Huệ Anh	8.5	-	-	-	-	8.5	-	-	6.5	D20_QT06
2	DH72005164	Lê Nguyễn Vy Anh	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_QT06
3	DH72005176	Trương Bảo Anh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT06
4	DH72004056	Huỳnh Sanh Kim ánh	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D20_QT06
5	DH72007323	Nguyễn Thị Ngọc ánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
6	DH72005178	Phan Thị ánh	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D20_QT06
7	DH72002897	Phạm Hoàng Bảo	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT06
8	DH72004105	Tạ Trần Minh Cường	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
9	DH72003886	Huỳnh Ngọc Dung	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_QT06
10	DH72005216	Nguyễn Thạch Lâm Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
11	DH72005223	Nguyễn Thị Thùy Dương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
12	DH72005237	Phan Duy Đô	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
13	DH72004076	Nguyễn Quang Đông	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
14	DH72004048	Nguyễn Văn Đức	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT06
15	DH72000619	Nguyễn Hương Giang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT06
16	DH72004363	Ngô Thị Ngọc Giao	14.5	-	-	-	-	14.5	-	-	0.5	D20_QT06
17	DH72004464	Nghiêm Thị Ngọc Giàu	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT06
18	DH72004351	Đỗ Thị Hiền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
19	DH72004469	Đỗ Đăng Quốc Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
20	DH72004218	Nguyễn Thị Hương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT06
21	DH72004081	Võ Thị ý Lan	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT06
22	DH72004186	La Gia Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
23	DH72004208	Nguyễn Hữu Lợi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
24	DH72004431	Huỳnh Thị Trúc Ly	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT06
25	DH72004181	Thái Kim Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
26	DH72004463	Trần Kim Ngân	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT06

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
27	DH72004068	Dương Hà Tuyết Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
28	DH72004182	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
29	DH72004193	Cao Huỳnh Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
30	DH72004144	Nguyễn Thành Nhứt	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT06
31	DH72004417	Phùng Thị Kiều Oanh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT06
32	DH72004476	Nguyễn Đức Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
33	DH72004324	Lê Bá Hoàng Phi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT06
34	DH71902064	Đoàn Minh Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
35	DH72004142	Trần Thị Minh Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
36	DH72004340	Lôi Diễm Quỳnh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT06
37	DH72004123	Nguyễn Ngọc Quỳnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
38	DH72006717	Võ Ngọc Nhã Quỳnh	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D20_QT06
39	DH72004222	Tạ Bảo Tài	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
40	DH72004158	Hồ Thị Phương Thanh	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT06
41	DH72004129	Trần Thái Thanh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT06
42	DH72003528	Hoàng Khắc Thành	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT06
43	DH72004091	Võ Văn Thi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
44	DH72004297	Ngô Hoa Thiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
45	DH72004362	Trần Hữu Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
46	DH72005562	Nguyễn Trung Thuận	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT06
47	DH72004832	Dương Kim Thùy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
48	DH72004409	Phạm Lê Anh Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
49	DH72005573	Nguyễn Ngọc Hoài Thương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT06
50	DH72004070	Nguyễn Văn Thành Tính	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT06
51	DH72004021	Đặng Minh Toàn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
52	DH72004017	Đặng Huy Tùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
53	DH72004204	Nguyễn Thị ánh Tuyết	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_QT06
54	DH72003560	Lê Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
55	DH72005646	Nguyễn Lâm Tường Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT06
56	DH72004465	Nguyễn Thu Yến	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT06
1	DH72004514	Trần Hồng ánh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
2	DH72004477	Lý Mỹ Ân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
3	DH72004210	Bùi Thanh Bình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
4	DH72002711	Hà Kim Dung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
5	DH72004700	Lê Quốc Duy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
6	DH72004082	Nguyễn Tôn Dương	5	-	-	-	-	5	-	-	10	D20_QT07
7	DH72004706	Nguyễn Hà Hải Đăng	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_QT07
8	DH72004599	Dương Huỳnh Đức	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT07
9	DH72000078	Lê Thị Hằng	14.5	-	-	-	-	14.5	-	-	0.5	D20_QT07
10	DH72003879	Nguyễn Thị Thúy Hằng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
11	DH72004461	Nguyễn Ngọc Hiếu Hân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
12	DH72005264	Trần Ngọc Hân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
13	DH72001199	Huỳnh Nhật Hòa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
14	DH72004220	Tạ Thị Thanh Huyền	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT07
15	DH72005286	Phan Thị Phương Huỳnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
16	DH72004154	Đặng Duy Khang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
17	DH72004112	Hồ Anh Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
18	DH72005322	Vô Ngô Minh Khôi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT07
19	DH72004580	Nguyễn Thị Ngọc Liên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
20	DH72004515	Nguyễn Thị Ngọc Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
21	DH72005337	Trương Thị Phương Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
22	DH72007361	Nguyễn Thị Tuyết Loan	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT07
23	DH72004729	Mei Chih Lung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
24	DH72004069	Cao Thị Bích Luyến	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT07
25	DH72004209	Trần Ngọc Mạnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
26	DH72005366	Vô Thị Tuyết My	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
27	DH72004686	Nguyễn Thanh Nga	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
28	DH72004138	Dương Ngọc Kim Ngân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT07
29	DH72005384	Huỳnh Thị Hồng Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
30	DH72005390	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
31	DH72007266	Trần Thị Kim Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
32	DH72004752	Vô Trọng Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
33	DH72004149	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
34	DH72004124	Trần Viết Quang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
35	DH72005480	Nguyễn Ngọc Sang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
36	DH72004067	Nguyễn Đức Tạo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
37	DH72004333	Nguyễn Thanh Tâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
38	DH72002407	Nguyễn Thị Thiên Thanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
39	DH72004606	Nguyễn Minh Thuận	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
40	DH72004007	Huỳnh Phương Thùy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
41	DH72004727	Nguyễn Thị Thanh Thúy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT07
42	DH72004245	Trần Nguyễn Anh Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT07
43	DH72004546	Đặng Thị Mỹ Trà	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT07
1	DH72000159	Lê Nguyễn Duy Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
2	DH72004948	Thái Phương Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
3	DH72005192	Trần Gia Bình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
4	DH72004735	Bùi Tấn Đạt	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT08
5	DH72005271	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT08
6	DH72002643	Viên Ngọc Trâm Hoa	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT08
7	DH72004714	Đào Mạnh Huy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
8	DH72004944	Phan Thúy Kiều	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
9	DH72004734	Nguyễn Trọng Long	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT08
10	DH72004809	Lê Tấn Lộc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
11	DH72004733	Phạm Nguyễn Tấn Lộc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
12	DH72004844	Nguyễn Thành Luân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
13	DH72004711	Nguyễn Thị Xuân Mai	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
14	DH72004724	Nguyễn Thị Thanh Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
15	DH72005421	Lê Ngọc Tuyết Nhi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT08
16	DH72005424	Phạm Hà Trúc Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
17	DH72005431	Hồ Ngọc Khánh Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
18	DH72004722	Nguyễn Dương Hoàng Oanh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
19	DH72004748	Trần Tấn Phát	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
20	DH72004816	Đặng Trương Hoàng Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
21	DH72004582	Nguyễn Kim Phụng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
22	DH72004806	Nguyễn Trịnh Trúc Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
23	DH72005471	Phạm Trần Quốc Quy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
24	DH72005485	Bùi Thế Sơn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
25	DH72004739	Trần Phước Sơn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
26	DH72004908	Nguyễn Thị Tuyết Sương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
27	DH72004962	Lê Thị Minh Tâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
28	DH72005492	Nguyễn Hoàng Tấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
29	DH72004774	Phạm Thiên Thanh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT08

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
30	DH72005543	Nguyễn Đỗ Duy Thảo	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT08
31	DH72004821	Vũ Đăng Phương Thảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
32	DH72004822	Trần Minh Thông	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
33	DH72003517	Nguyễn Thị Thanh Thúy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
34	DH72004882	Dương Anh Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
35	DH72007316	Trà Thị Thanh Trâm	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT08
36	DH72001254	Nguyễn Đình Trí	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
37	DH72007046	Phạm Thanh Trúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
38	DH72006600	Bùi Phi Thiện Tuấn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT08
39	DH72005525	Nguyễn Khánh Tường	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT08
40	DH72005630	Phạm Nguyễn Ngọc Vân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
41	DH72004808	Trương Triệu Võ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
42	DH72004900	Bùi Huỳnh Thảo Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
43	DH72004677	Nguyễn Lương Thúy Vy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT08
44	DH72003796	Lê Thị Minh Yến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT08
1	DH72005163	Lê Hoàng Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
2	DH72005181	Nguyễn Thanh Minh Bách	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT09
3	DH72005190	Nguyễn Thị An Bình	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
4	DH72005191	Nguyễn Thị Kim Bình	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT09
5	DH72005200	Võ Thị Trương Chi	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT09
6	DH72005195	Vũ Chí Công	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
7	DH72005203	Lê Thị Kiều Diễm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
8	DH72005213	Nguyễn Thị Thanh Dung	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
9	DH72005224	Phạm Thị Thúy Dương	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT09
10	DH72007414	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
11	DH72005256	Nguyễn Thị Thu Hằng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
12	DH72004994	Trần Đức Hòa	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT09
13	DH72005045	Lê Nguyễn Quỳnh Hương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
14	DH72005312	Mai Hữu Khanh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT09
15	DH72005317	Đặng Anh Khoa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
16	DH72007319	Nguyễn Thị Liên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT09
17	DH72006582	Bùi Nguyễn Thành Luân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
18	DH72005345	Giang Hải Luân	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT09
19	DH72007249	Lê Thị Trà My	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT09

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
20	DH72005368	Lê Hoàng Mỹ	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT09
21	DH72005393	Phạm Thị Kim Ngân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT09
22	DH72005411	Trần Phương Nguyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT09
23	DH72005414	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_QT09
24	DH72005435	Võ Thị Huỳnh Như	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT09
25	DH72005445	Huỳnh Công Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
26	DH72005019	Nguyễn Minh Phước	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
27	DH72005460	Hứa Thị Thanh Phương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT09
28	DH72005463	Nguyễn Phước Thu Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
29	DH72005465	Trần Nguyễn Như Phương	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D20_QT09
30	DH72004991	Trần Thị Bích Phương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
31	DH72005473	Lê Nguyễn Phương Quyên	10.5	9	-	-	-	1.5	-	-	4.5	D20_QT09
32	DH72007188	Tổng Trúc Quyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
33	DH72005476	Phạm Ngọc Như Quỳnh	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT09
34	DH72005486	Nguyễn Cao Sơn	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D20_QT09
35	DH72005488	Đoàn Thu Sương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT09
36	DH72005537	Nguyễn Phúc Thành	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
37	DH72007357	Nguyễn Ngọc Thảo	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT09
38	DH72005546	Nguyễn Đức Thắng	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT09
39	DH72005547	Nguyễn Trần Quốc Thắng	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT09
40	DH72005555	Lê Phú Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
41	DH72005556	Phạm Lê Hưng Thịnh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
42	DH72005572	Nguyễn Trần Anh Thư	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
43	DH72005575	Nguyễn Thị Vân Thy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT09
44	DH72005614	Phạm Thanh Trúc	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT09
45	DH72005508	Hàn Thị Cẩm Tú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
46	DH72007201	Đoàn Thị Sơn Tuyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
47	DH72005522	Nguyễn Thanh Tuyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
48	DH72005625	Ngô Gia Văn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
49	DH72007191	Lê Cao Khánh Vân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT09
50	DH72005654	Đỗ Thanh Xuân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT09
1	DH72005169	Ong Nguyễn Mai Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
2	DH72005175	Trần Duy Anh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT10
3	DH72005039	Vũ Thị Phương Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
4	DH72005206	Tăng Kiệt Dinh	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_QT10
5	DH72005233	Trương Thành Đạt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
6	DH72005240	Trương Minh Quỳnh Giang	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_QT10
7	DH72006624	Trần Văn Giàu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
8	DH72005244	Mai Thị Khánh Hà	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_QT10
9	DH72006767	Mai Thị Phương Hà	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT10
10	DH72005254	Trần Thanh Hào	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D20_QT10
11	DH72006938	Nguyễn Đức Hiếu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
12	DH72005280	Nguyễn Văn Tiến Hùng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
13	DH72005284	Đặng Phước Nhật Huyền	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT10
14	DH72005288	Nguyễn Việt Hưng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
15	DH72005016	Đào Thị Kiều Linh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT10
16	DH72006647	Phan Thùy Linh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
17	DH72005341	Trần Hoàng Ngọc Loan	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
18	DH72005354	Trần Thị Thanh Mai	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
19	DH72005358	Nguyễn Hiếu Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
20	DH72006738	Nguyễn Quang Minh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
21	DH72005365	Trịnh Thị My	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D20_QT10
22	DH72005376	Võ Thành Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
23	DH72005062	Phạm Thị Kim Ngân	12.5	-	-	-	-	12.5	-	-	2.5	D20_QT10
24	DH72005401	Nguyễn Hồng Ngọc	12.5	-	-	-	-	12.5	-	-	2.5	D20_QT10
25	DH72005404	Trần Thị Bích Ngọc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
26	DH72005409	Nguyễn Lê Thùy Nguyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
27	DH72005422	Nguyễn Thị Vân Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
28	DH72005423	Nguyễn Thị Yến Nhi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
29	DH72005429	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D20_QT10
30	DH72005433	Lê Thị Quỳnh Như	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT10
31	DH72005436	Bùi Phương Oanh	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_QT10
32	DH72005455	Lư Gia Phụng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
33	DH72005461	Lê Thị Thu Phương	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D20_QT10
34	DH72005467	Trần Đăng Quang	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
35	DH72005470	Phan Đăng Hoàng Quốc	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT10
36	DH72005528	Phan Bảo Thái	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
37	DH72005544	Nguyễn Kim Phương Thảo	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT10

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
38	DH72005558	Trần Minh Thống	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
39	DH72005564	Đàm Thị Thùy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
40	DH72005505	Thiều Văn Vũ Tiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
41	DH72005578	Nguyễn Thị Minh Trang	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT10
42	DH72005588	Trần Thị Kiều Trâm	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT10
43	DH72005594	Nguyễn Thị Ngọc Trân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
44	DH72005598	Phạm Như Trí	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT10
45	DH72005612	Trần Thị Mỹ Trinh	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT10
46	DH72005613	Dương Duy Trọng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
47	DH72006633	Nguyễn Minh Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
48	DH72005517	Trần Anh Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
49	DH72005520	Cao Thanh Tuyền	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D20_QT10
50	DH72005621	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT10
51	DH72005628	Nguyễn Thị Thanh Vân	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT10
52	DH72005639	Hồ Thanh Việt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
53	DH72005643	Đoàn Anh Vy	6	-	-	-	-	6	-	-	9	D20_QT10
54	DH72005647	Nguyễn Phương Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
55	DH72005657	Trần Thị Mỹ Xuyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT10
1	DH72007006	Hà Lê Kiều Anh	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
2	DH72006818	Nguyễn Thị Vân Anh	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_QT11
3	DH72007010	Phạm Chí Bảo	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
4	DH72007045	Lê Thị Kim Cương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
5	DH72007008	Nguyễn Lê Phương Dung	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT11
6	DH72007054	Trần Phạm Hồng Duyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
7	DH72006628	Nguyễn Thị Bạch Dương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
8	DH72007295	Trần Phương Đông	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
9	DH72006853	Nguyễn Khắc Đức	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
10	DH72007025	Từ Văn Hào	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
11	DH72006594	Huỳnh Thị Mỹ Hằng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
12	DH72007018	Trương Thị Mỹ Hằng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
13	DH72007096	Đinh Trọng Hiến	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
14	DH72005273	Nguyễn Thị Huỳnh Hoa	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT11
15	DH72006585	Lê Hồng Anh Kiệt	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
16	DH72006662	Vũ Văn Lộc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
17	DH72006934	Nguyễn Hoài Ly	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
18	DH72007271	Đặng Thị Thu Mai	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_QT11
19	DH72006591	Sái Thị Kiều Mai	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
20	DH72006780	Lê Đan My	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
21	DH72006933	Hà Thị Mỹ	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT11
22	DH72005369	Lê Thị Kim Mỹ	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT11
23	DH72006941	Đỗ Thái Nam	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
24	DH72007287	Văn Nguyễn Thị Thu Nga	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_QT11
25	DH72007036	Đặng Thị Kim Ngân	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT11
26	DH72006745	Đoàn Thị Thúy Ngân	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D20_QT11
27	DH72006875	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
28	DH72006602	Huỳnh Trung Nghĩa	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
29	DH72007028	Nguyễn Bích Ngọc	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT11
30	DH72006670	Huỳnh Thị Yến Nhi	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT11
31	DH72006960	Lê Thị ánh Nhi	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT11
32	DH72007048	Nguyễn Trần Huỳnh Như	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT11
33	DH72007317	Thái Duy Phú	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
34	DH72006998	Châu Tuấn Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
35	DH72005451	Phan Hoàng Gia Phúc	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
36	DH72006990	Đỗ Thị Thu Phương	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT11
37	DH72006936	Vũ Thị Quyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
38	DH72002193	Lê Phạm Phương Quỳnh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT11
39	DH72006617	Mai Huỳnh Thanh Thảo	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D20_QT11
40	DH72007043	Nguyễn Phạm Phương Thảo	4	-	-	-	-	4	-	-	11	D20_QT11
41	DH72006595	Đỗ Thị Cẩm Tiên	2	-	-	-	-	2	-	-	13	D20_QT11
42	DH72007031	Lương Nữ Kiều Tiên	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT11
43	DH72006579	Nguyễn Ngọc Hà Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
44	DH72006734	Châu Bích Tiên	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT11
45	DH72006955	Lê Thị Hồng Trang	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D20_QT11
46	DH72007327	Dương Thị Ngọc Trâm	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT11
47	DH72007092	Nguyễn Phương Ngọc Trâm	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
48	DH72007003	Lê Hoàng Bảo Trân	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT11
49	DH72007064	Khuru Thị Thanh Trúc	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D20_QT11
50	DH72005514	Đặng Hoàng Anh Tuấn	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
51	DH72007063	Nguyễn Thị Kim Tuyền	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5	D20_QT11
52	DH72006781	Nguyễn Thị Kim Tuyền	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_QT11
53	DH72005038	Nguyễn Phạm Tố Uyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
54	DH72007057	Nguyễn Thị Bích Vân	7	-	-	-	-	7	-	-	8	D20_QT11
55	DH72006989	Phạm Thị Bích Vân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT11
56	DH72007070	Lê Hồng Hoàng Yên	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT11
1	DH72006991	Hoàng Phước Dân An	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
2	DH72007247	Nguyễn Thị Kim Anh	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5	D20_QT12
3	DH72006726	Nguyễn Thành Bảo	10	-	-	-	-	10	-	-	5	D20_QT12
4	DH72006597	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
5	DH72006963	Cát Ngọc Diệp	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
6	DH72007227	Phạm Trần Mỹ Duyên	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT12
7	DH72005220	Lê Khánh Dương	3	-	-	-	-	3	-	-	12	D20_QT12
8	DH72006903	Đặng Ngọc Minh Đức	12	-	-	-	-	12	-	-	3	D20_QT12
9	DH72006587	Trần Duy Đức	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
10	DH72007132	Đặng Nguyễn Khánh Hà	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT12
11	DH72006800	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT12
12	DH72006801	Nguyễn Phú Hiệp	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT12
13	DH72006638	Cao Văn Huy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT12
14	DH72006915	Lương Đặng Quỳnh Hương	15	-	-	-	-	15	-	-	0	D20_QT12
15	DH72007108	Nguyễn Huỳnh Thảo Hương	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
16	DH72007304	Nguyễn An Khang	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_QT12
17	DH72006657	Trần Võ Hoàng Kim	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
18	DH72007187	Đào Ngọc Thảo Lan	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT12
19	DH72007207	Huỳnh Phương Linh	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT12
20	DH72006635	Lâm Mỹ Linh	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT12
21	DH72006909	Hoàng Thị Thanh Loan	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
22	DH72007224	Bàn Ngọc Long	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT12
23	DH72007120	Nguyễn Thị Hiền Mơ	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
24	DH72007154	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT12
25	DH72006870	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
26	DH72007062	Nguyễn Nguyên Thanh Nhã	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5	D20_QT12
27	DH72006944	Phạm Trung Nhân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT12
28	DH72007190	Hồ Thị Quỳnh Như	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12

STT	MSSV	Họ và tên	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại	Tên lớp
29	DH72007038	Bùi Tú Quyên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
30	DH72007060	Hà Tuyết Srong	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT12
31	DH72006978	Nguyễn Quốc Thắng	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
32	DH72007183	Hoàng Thị Mai Thi	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
33	DH72007105	Hồ Tấn Thuận	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT12
34	DH72007040	Trần Ngọc Thúy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
35	DH72007212	Lương Ngọc Thủy Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
36	DH72006816	Trần Thị Mỹ Tiên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
37	DH72007004	Đoàn Ngọc Bảo Trâm	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT12
38	DH72007021	Châu Thị Quế Trân	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5	D20_QT12
39	DH72007109	Ngô Minh Tuấn	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT12
40	DH72006895	Võ Thị Sông Tuyền	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
41	DH72007059	Mai ánh Tuyết	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
42	DH72007039	Mai Ngọc Thanh Vân	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
43	DH72007314	Bùi Thịnh Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
44	DH72006946	Hoàng Thị Tường Vy	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT12
45	DH72006918	Vũ Ngọc Thảo Vy	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
46	DH72006630	Trần Thanh Xuân	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5	D20_QT12
47	DH72007086	Đào Kim Yên	0	-	-	-	-	-	-	-	15	D20_QT12
48	DH72007229	Nguyễn Thị Hải Yến	1	-	-	-	-	1	-	-	14	D20_QT12

Tổng số SV: **1442**

Đã hoàn thành: **123**

Chưa hoàn thành: **1319**

***Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Hiến máu nhân đạo
- 5: Các hoạt động công tác xã hội khác
- 6: Các hoạt động cứu trợ thiên tai
- 7: Các lớp học tình thương

Người lập bảng

(Đã ký)

KS. Nguyễn Thị Diễm Ngân

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2022

Phụ trách phòng công tác Sinh viên

(Đã ký)

ThS. Lê Thị Phương Hằng